

Vai trò của hồ sơ minh chứng trong kiểm định chất lượng chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học

Trịnh Thị Kim Oanh*

*ThS. Khoa Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng, Học viện Hành chính Quốc gia

Received: 15/9/2023; Accepted: 20/9/2023; Published: 26/9/2023

Abstract: Training program accreditation is a mandatory requirement for higher education institutions. Accreditation results are both a basis for improving quality and demonstrating accountability, as well as a condition for exercising the autonomy of higher education institutions. Documents of evidence formed in the operations of higher education institutions are of great value in many aspects, especially as an indispensable source of evidence to serve the quality accreditation of training programs. The article introduces the standards for assessing training program quality of the Ministry of Education and Training, and analyzes the role of Documents of Evidence in the quality accreditation of training programs.

Keywords: Training programs, training program quality accreditation, higher education institutions.

1. Đặt vấn đề

Kiểm định chất lượng giáo dục nói chung và kiểm định chương trình đào tạo (CTĐT) nói riêng là yêu cầu khách quan trước xu thế hội nhập quốc tế, là yếu tố có tính quyết định đối với các cơ sở đào tạo. Mục đích của kiểm định chất lượng CTĐT là nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT; Để xác nhận mức độ của CTĐT đáp ứng mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn nhất định; Làm căn cứ giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của CTĐT; Làm cơ sở cho người học lựa chọn CTĐT và nhà tuyển dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

Để đạt được các mục đích nêu trên, CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) phải đáp ứng được yêu cầu và điều kiện ở mức độ nhất định để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, đồng thời nguồn minh chứng gắn với các tiêu chí phải đầy đủ và chính xác.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giới thiệu khái quát Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT

Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành là mức độ yêu cầu và điều kiện mà CTĐT phải đáp ứng để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học, văn bản này gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí.

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

- Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGDĐH, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học.

- Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT: Bản mô tả CTĐT, đề cương học phần đầy đủ thông tin và cập nhật, được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

- Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR, có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR và thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế rõ ràng, phù hợp với mức độ đạt được CĐR và được thông báo công khai tới người học.

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng,

đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

- Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

- Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiêu nại về kết quả học tập.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên (GV), nghiên cứu viên

- Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

- Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

- Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai.

- Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

- Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

- Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

- Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

- Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ

các hoạt động đào tạo và NCKH.

- Hệ thống công nghệ thông tin, thư viện và nguồn học liệu, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị, phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

- Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

- Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

- Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

- Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

2.2. Hồ sơ minh chứng-nguồn thông tin đặc biệt quan trọng phục vụ công tác kiểm định chất lượng CTĐT

Theo kế hoạch của Bộ GD-ĐT, đến năm 2025, cả nước có ít nhất 35% CTĐT hoàn tất việc đánh giá và công nhận kiểm định chất lượng.

Để đạt chuẩn kiểm định trong nước, các CSGDDH phải đảm bảo chất lượng về chiến lược phát triển, hệ thống thực hiện chức năng và kết quả hoạt động của trường. Toàn bộ hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động của CSGDDH là minh chứng xác thực nhất phục vụ cho hoạt động kiểm định chất lượng. Hoạt động kiểm định sẽ cho người học và xã hội thấy rõ được chất lượng đào tạo của CSGDDH. Thông qua hoạt động kiểm định chất lượng còn giúp CSGDDH nhận diện được mặt mạnh, mặt yếu, cơ hội và thách thức, chỉ ra cách thức mà CSGDDH cần cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng.

Hồ sơ minh chứng là những thông tin gắn với các tiêu chí để xác định mức độ đạt được của các tiêu chí, là tài liệu quan trọng để các CSGDDH viết báo cáo tự đánh giá CTĐT, đồng thời là căn cứ đặc biệt quan trọng để hỗ trợ và minh họa cho các nhận định trong báo cáo tự đánh giá CTĐT phục vụ công tác đánh giá ngoài.

Để phục vụ công tác kiểm định chất lượng CTĐT,

các CSGDDH cần thu thập đủ những loại hồ sơ minh chứng sau:

- Văn bản chính thức phát biểu về tầm nhìn, sứ mạng của CSGDDH, minh chứng về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục.

- Hồ sơ về việc xây dựng và ban hành CTĐT, bản mô tả CTĐT, bản mô tả học phần. (tài liệu về hoạt động rà soát CTĐT, các báo cáo đối sánh, ma trận kỹ năng, CTĐT).

- Hồ sơ về khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá.

- Biên bản họp lấy ý kiến đóng góp của của các bên liên quan (GV, người học, nhà quản lý, nhà sử dụng lao động...) về CTĐT, bản mô tả CTĐT.

- Trang thông tin điện tử của CSGDDH có đề cập đến CTĐT.

- Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh.

- Kết quả khảo sát GV, người học, người học tốt nghiệp.

- Biên bản họp về hoạt động rà soát, xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT.

- Văn bản của nhà trường về CDR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh.

- Bảng so sánh kết quả xếp loại đối với người học tốt nghiệp CTĐT trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.

- Hồ sơ về việc xây dựng và ban hành đề cương học phần.

- Hồ sơ giảng dạy của GV.

- Hồ sơ hội thảo liên quan đến việc thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để đạt được chuẩn đầu ra.

- Hồ sơ về hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập như dự án thực tập, thực tế tại doanh nghiệp.

- Quy định về thi, kiểm tra, đánh giá. Quy trình xây dựng và đánh giá đề thi. Dữ liệu về kết quả chấm thi, phúc khảo bài thi.

- Thống kê danh mục sách, giáo trình, tài liệu phục vụ CTĐT.

- Hồ sơ thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập.

- Hồ sơ phản ánh kết quả học tập, thực tập, kiến tập, phục vụ cộng đồng.

- Các biên bản ghi nhớ.

- Các hình thức và kế hoạch cung cấp bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan.

- Nhóm hồ sơ phục vụ công tác đánh giá cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.

- Tài liệu quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực. Các chính sách về nhân sự. Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, hợp đồng lao động.

- Hồ sơ, tài liệu phân tích nhu cầu đào tạo của GV. Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ.

- Hệ thống đánh giá đồng cấp và hệ thống khen thưởng. Cơ chế thi đua khen thưởng

- Khối lượng công việc của GV.

- Sơ đồ tổ chức của khoa/bộ môn.

- Bản mô tả vị trí công việc. Hợp đồng lao động.

- Dữ liệu về các nghiên cứu và công bố. Dữ liệu về hoạt động chuyển giao công nghệ.

- Quy trình và tiêu chí tuyển sinh. Xu hướng tuyển sinh đầu vào.

- Phản hồi của người học và đánh giá học phần.

- Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần cứng, phần mềm máy tính. Ngân sách dành cho cơ sở vật chất và trang thiết bị.

- Chính sách về an toàn, sức khỏe và môi trường.

- Kế hoạch ứng phó khẩn cấp.

- Đánh giá từ bên ngoài. Đối sánh trong và ngoài nước.

- Phản hồi về chương trình và học phần. Sử dụng kết quả phản hồi để phục vụ cải tiến CTĐT.

- Quy trình và chỉ số đo lường sự hài lòng của các bên liên quan...

3. Kết luận

Có thể khẳng định, hồ sơ minh chứng hình thành trong hoạt động của các CSGDDH có số lượng rất lớn, thành phần, nội dung đa dạng, là nguồn thông tin đặc biệt quan trọng phục vụ công tác kiểm định chất lượng. Để bảo đảm an toàn và phát huy tối đa giá trị của khối hồ sơ minh chứng này, các CSGDDH cần tổ chức thật tốt công tác lưu trữ.

Tài liệu tham khảo

1. Cục Khảo thí và KĐCLGD (2016), *Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH*, Hà Nội.

2. Cục Quản lý chất lượng (2019), *Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD*, Hà Nội.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học*, Hà Nội.